

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1457/UBND-HTKT

Về việc bổ sung kế hoạch đấu giá
quyền khai thác khoáng sản năm 2017.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 07 tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 204/TTr-STNMT ngày 30/5/2017 về việc bổ sung danh mục đấu giá và Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh năm 2017; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1- Thống nhất bổ sung 04 điểm mỏ đá, cát thuộc địa bàn các huyện: Ngọc Hồi, Đăk Tô và Sa Thầy vào Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2017 (Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh) như đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các đơn vị và địa phương có liên quan triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

UBND tỉnh báo đề Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Như trên;
- Sở Xây dựng, Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- UBND các huyện: Ngọc Hồi, Đăk Tô và Sa Thầy
- VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy

Phụ lục:

KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2017 (BỔ SUNG)

(Kèm theo Công văn số 1457/UBND-HTKT ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum)

A. CÁC ĐIỂM MỎ ĐÃ THĂM DÒ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG

1. Khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích đưa ra đấu giá (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng đưa ra đấu giá (m ³)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
	X (m)	Y(m)					
Điểm mỏ số 1							
Địa điểm: Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô (vị trí 1)							
1	1.625.549	535.296	0,3109	Mỏ đã thăm dò phê duyệt trữ lượng thuộc sông Đăk Tô Kan, chưa có hoạt động khai thác	Cấp 121: 2.425	Quý IV/2017	Số hiệu quy hoạch 66
2	1.625.554	535.310					
3	1.625.535	535.324					
4	1.625.513	535.322					
5	1.625.477	535.297					
7	1.625.452	535.238					
8	1.625.450	535.208					
9	1.625.467	535.206					
10	1.625.474	535.228					
11	1.625.473	535.245					
12	1.625.482	535.277					
13	1.625.494	535.288					
14	1.625.510	535.298					
15	1.625.532	535.302					
16	1.625.545	535.299					
Điểm mỏ số 2							
Địa điểm: Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô (vị trí 2)							
1	1.625.467	535.206					



2	1.625.450	535.208	0,2972	Mỏ đã thăm dò phê duyệt trữ lượng thuộc sông Đăk Tờ Kan chưa có hoạt động khai thác	Cấp 121: 2.229	Quý IV/2017	Số hiệu quy hoạch 66
3	1.625.432	535.137					
4	1.625.422	535.117					
5	1.625.423	535.096					
6	1.625.427	535.061					
7	1.625.444	535.057					
8	1.625.445	535.100					
9	1.625.457	535.162					
10	1.625.462	535.172					

2. Khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích đưa ra đấu giá (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng đưa ra đấu giá (m ³)	Ghi chú	
	X(m)	Y(m)					
Điểm mỏ số 1							
Địa điểm: Xã Đăk Sứ, huyện Ngọc Hồi							
1	1.627.739	515.455	3	Mỏ đã được cấp phép năm 2011 nhưng chưa tiến hành khai thác.	Cấp 121: 899.885	Quý IV/2017	Số hiệu quy hoạch 46
2	1.627.895	515.438					
3	1.627.958	515.626					
4	1.627.803	515.641					

B. CÁC ĐIỂM MỎ CÁT CHƯA THĂM DÒ

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đưa ra đấu giá (ha)	Hiện trạng	Tài nguyên dự báo đưa ra đấu giá (m ³)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
	X(m)	Y(m)						
Điểm mỏ số 1								
Địa điểm: Thôn Nhon Đức, xã Sa Nhon, huyện Sa Thầy								
1	1.597.987	530.846						



2	1.597.939	530.902	0,68	0,68	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây chưa có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường.	5.000	Quý IV/2017	Số hiệu quy hoạch bổ sung số 07
3	1.597.926	530.888						
4	1.597.959	530.845						
5	1.597.815	530.785						
6	1.597.833	530.719						
7	1.597.846	530.725						
8	1.597.833	530.780						
9	1.597.941	530.790						